

Số: **53** /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **01** tháng **7** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại : Tờ trình số 2817/TTr-SCT ngày 25 tháng 5 năm 2026; Văn bản số 3924/SCT-QLCN ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc ban hành Quyết định Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2026; các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành, cụ thể:

1. Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công thành phố Hải Phòng.

2. Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất) quy định việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (trước hợp nhất) về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Hải Dương.

4. Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (trước hợp nhất) về việc sửa đổi một số điều của Quy chế quản lý kinh phí khuyến công kèm theo Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Kho bạc Nhà nước khu vực III; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố Hải Phòng;
- UBMTTQVNTP;
- CT, PCT UBND TP Hoàng Minh Cường;
- Sở Tư pháp;
- PCVP UBND TP Phạm Huy Hoàng;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Công báo thành phố;
- Các Phòng: XD&CT, NC, NV&KTGS;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, XDCT, B.Đ.Hùng.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường



QUY ĐỊNH

Về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số **53** /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu.
2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, đặc khu; các làng nghề được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).
3. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.
4. Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.
5. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công địa phương và tổ chức thực hiện sau khi đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đơn vị phối hợp là tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác triển khai thực hiện Đề án khuyến công.
3. Đơn vị thụ hưởng là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công địa phương.

4. Đề án điểm là đề án khuyến công địa phương được thành lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương; có từ 02 nội dung hoạt động khuyến công và 02 đối tượng thụ hưởng trở lên; thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm; các nội dung hoạt động khuyến công trong đề án phải có sự liên kết nhằm khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

5. Đề án nhóm là đề án khuyến công địa phương có từ 02 đối tượng thụ hưởng trở lên cùng một nội dung hoạt động khuyến công, bao gồm: Đề án nâng cao năng lực quản lý, khởi sự thành lập doanh nghiệp; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu.

Điều 4. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương

1. Các đề án, nhiệm vụ sử dụng kinh phí khuyến công địa phương thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và sửa chữa nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp, các đề án truyền thông.

2. Các đề án, nhiệm vụ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo phương thức xét chọn.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Đề án nhóm:

a) Đề án nhóm không yêu cầu phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp khi thẩm định.

b) Riêng đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải lập theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương trên cơ sở danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP); phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, chủng loại máy móc thiết bị khi thẩm định và xác định đơn vị phối hợp, thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị khi lập kế hoạch triển khai để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công địa phương.

2. Đề án điểm

a) Khi thẩm định, các nội dung hoạt động khuyến công trong năm đầu kế hoạch phải xác định cụ thể địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp (trừ các nội dung theo nhóm thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này);

b) Đối với việc xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo: Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, đơn vị thực hiện đề án chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung hoạt khuyến công phù hợp với tình hình thực tế, lập thành kế hoạch khuyến công địa phương cho năm dự toán ngân sách trên cơ sở đã xác định cụ thể các nội dung yêu cầu như đối với năm đầu kế hoạch để thẩm định theo quy định;

c) Đề án điểm sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương trong năm đầu kế hoạch, sẽ được ưu tiên bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

MỤC 1: TRÌNH TỰ XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG

Điều 6. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công

1. Hàng năm, Sở Công Thương gửi văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các tổ chức dịch vụ khuyến công, các cơ sở công nghiệp nông thôn, các cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững xây dựng, đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương của năm sau.

2. Căn cứ Chương trình khuyến công thành phố từng giai đoạn và nhu cầu hỗ trợ của các cơ sở công nghiệp nông thôn, chậm nhất vào ngày 15 tháng 5 hàng năm, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các tổ chức dịch vụ khuyến công và các cơ sở công nghiệp nông thôn khảo sát, xây dựng báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công của năm sau và gửi về Sở Công Thương để tổng hợp.

3. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương được lập trên cơ sở tổng hợp đăng ký khuyến công của Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các tổ chức dịch vụ khuyến công và các cơ sở công nghiệp nông thôn. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công gửi Sở Công Thương bao gồm:

a) Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; Phương hướng, nhiệm vụ công tác khuyến công của năm sau;

b) Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công (theo Mẫu số 1a); Bản đăng ký đề án/nhiệm vụ khuyến công (theo Mẫu số 1b); Bản đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương (áp dụng cho đề án điểm theo mẫu số 1c); Bản đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương năm... (Áp dụng đối với nội dung hoạt động khuyến công thuộc các năm tiếp theo năm đầu kỳ kế hoạch của đề án điểm theo Mẫu số 6) ban hành kèm theo Quy định này.

4. Trên cơ sở báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công của Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các tổ chức dịch vụ khuyến công, các cơ sở công nghiệp nông thôn, các cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững xây dựng, Sở Công Thương tổng hợp đăng ký kế hoạch khuyến công của năm sau trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm.

Điều 7. Nguyên tắc lập đề án khuyến công địa phương

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của thành phố; quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025); phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định của pháp luật.

3. Phù hợp với Chương trình khuyến công từng giai đoạn đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 8. Lập đề án khuyến công

1. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước của thành phố hàng năm đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, trong đó giao kinh phí khuyến công, Sở Công Thương lựa chọn các đề án thuộc danh mục các đề án, nhiệm vụ đã được phê duyệt trong kế hoạch hàng năm để tổ chức triển khai và có văn bản gửi Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và các đơn vị thực hiện đề án yêu cầu lập hồ sơ đề án khuyến công và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu để biết và phối hợp thực hiện.

2. Trường hợp các đề án đã được Sở Công Thương lựa chọn theo nguồn kinh phí khuyến công được giao để thực hiện nhưng đơn vị thụ hưởng không thực hiện được hoặc đơn vị thực hiện không xây dựng đề án theo đúng thời gian quy định, Sở Công Thương lựa chọn, thay thế các đề án nằm trong danh mục đề án đã đăng ký theo kế hoạch hàng năm. Đồng thời, lựa chọn tổ chức dịch vụ khuyến công khác tiếp tục lập đề án đã được lựa chọn. Sở Công Thương tổng hợp các đề án gửi Hội đồng thẩm định.

3. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các đơn vị thực hiện đề án triển khai lập hồ sơ đề án khuyến công và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định, gửi hồ sơ đề án khuyến công về Sở Công Thương thẩm định.

Điều 9. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công địa phương

Đề án khuyến công địa phương có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.
3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.
4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các điểm vượt trội, nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.
5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.
6. Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Mẫu số 2 của Quy định này.
7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.
8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.
9. Kết luận: Sự phù hợp của đề án theo các Nghị định, Thông tư, Quyết định và văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về hoạt động khuyến công.

Điều 10. Tiêu chí chung, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc ưu tiên lựa chọn nhiệm vụ, đề án khuyến công

1. Tiêu chí chung:

- a) Phù hợp với Nghị định số 45/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025) và các văn bản hướng dẫn về khuyến công;
- b) Nội dung hoạt động khuyến công có tác động khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi quốc gia, vùng, địa phương;
- c) Phù hợp với mức hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;
- d) Đơn vị thực hiện đề án không vi phạm hợp đồng khuyến công địa phương trong 02 năm gần nhất.

2. Tiêu chí ưu tiên:

a) Ưu tiên lựa chọn các đề án điểm; đề án có ngành nghề, địa bàn ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025) và các văn bản hướng dẫn về khuyến công;

b) Trường hợp các đề án triển khai trên địa bàn có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau thì ưu tiên lựa chọn đề án của đơn vị có kinh nghiệm, năng lực tổ chức thực hiện tốt hơn.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt đề án khuyến công

1. Thành lập Hội đồng thẩm định

a) Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các đề án khuyến công địa phương. Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Công Thương; các thành viên của Hội đồng là đại diện các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ (đối với các đề án chuyển giao công nghệ vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp) và đại diện các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở Công Thương; trường hợp cần thiết, Sở Công Thương mời các sở ngành có liên quan, các chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp; Thư ký Hội đồng là công chức Sở Công Thương; Hội đồng được sử dụng con dấu của Sở Công Thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, thẩm định các nội dung của đề án khuyến công gồm: mức độ phù hợp của đề án, phạm vi, đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ; mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí và các cơ sở vật chất khác; đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp và đối tượng thụ hưởng; sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu có liên quan đến đề án. Quá trình thẩm định có thể kiểm tra thực tế để làm rõ các nội dung liên quan của đề án nếu cần thiết.

2. Báo cáo thẩm định đề án khuyến công bao gồm các nội dung cơ bản sau đây

a) Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Điều 7 của Quy định này.

b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án; nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

c) Nội dung chuyển giao công nghệ vào sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp của đề án khuyến công (nếu có);

d) Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

e) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

g) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các đơn vị thực hiện đề án về các tài liệu gửi thẩm định.

4. Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các đơn vị thực hiện đề án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đề án sau thẩm định gửi về sở Công Thương tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt Đề án khuyến công địa phương.

MỤC 2: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG

Điều 12. Tổ chức thực hiện chương trình khuyến công địa phương

Căn cứ Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công thành phố từng giai đoạn, Sở Công Thương có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu; Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung tại chương trình để xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm.

Điều 13. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công địa phương

1. Căn cứ Quyết định ban hành Kế hoạch khuyến công hàng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Công Thương giao nhiệm vụ thực hiện các đề án khuyến công (hoặc đặt hàng) đối với Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp là đơn vị thuộc Sở để triển khai rà soát, xây dựng các đề án khuyến công do Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thực hiện.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt đề án khuyến công của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Công Thương ký hợp đồng với đơn vị thực hiện đề án là các tổ chức dịch vụ khuyến công (nếu có đề án).

3. Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các đơn vị thực hiện đề án thông báo các Đề án khuyến công đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đến các đơn vị thụ hưởng và triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đúng nội dung và dự toán, tiến độ được phê duyệt, ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định. Đối với các đề án liên quan đến việc tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu, thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu... Sở Công Thương thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định khác có liên quan.

4. Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án khuyến công địa phương.

5. Kết thúc đề án, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và các đơn vị thực hiện đề án báo cáo Sở Công Thương tổ chức nghiệm thu đề án, hoàn thiện hồ sơ và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 14. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, đơn vị thực hiện phải có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của các đơn vị thực hiện, Sở Công Thương xem xét phê duyệt hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt việc bổ sung hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương; các điều chỉnh về tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, thay đổi nội dung đề án khuyến công, gia hạn thời gian thực hiện đề án sang năm tiếp theo.

b) Sở Công Thương phê duyệt đề nghị điều chỉnh gồm: Việc thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện đề án (trong năm tài chính) mà không làm thay đổi tổng mức kinh phí hỗ trợ và nội dung đề án đã được phê duyệt. Các điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương thực hiện thông qua hình thức: Ban hành quyết định điều chỉnh giao nhiệm vụ hoặc thông qua điều chỉnh các nội dung điều khoản tị hợp đồng thực hiện đề án khuyến công địa phương.

3. Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu theo các văn bản quy định về khuyến công, tiến độ thực hiện không đảm bảo theo đề án đã được thẩm định, hợp đồng đã được ký kết, Sở Công Thương xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt ngừng thực hiện.

Điều 15. Kiểm tra, giám sát, đánh giá các đề án khuyến công

1. Sở Công Thương phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, đặc khu kiểm tra, giám sát các đề án khuyến công được triển khai theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ; đánh giá tính hiệu quả các đề án đã được phê duyệt.

2. Các đơn vị thụ hưởng, các đơn vị thực hiện đề án khuyến công tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đề án khuyến công.

CHƯƠNG III

TẠM ỨNG, THANH QUYẾT TOÁN VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 16. Nguyên tắc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí

1. Việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí khuyến công áp dụng đối với các đơn vị thực hiện đề án thông qua hợp đồng ký với Sở Công Thương hoặc Quyết định giao nhiệm vụ của Sở Công Thương đối với Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc sở để thực hiện các đề án khuyến công đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí phải căn cứ vào hợp đồng thực hiện đề án hoặc Quyết định giao nhiệm vụ khuyến công, phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định tại Quyết định này.

3. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành và các quy định tại Quyết định này.

4. Các đơn vị thực hiện đề án sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ; quyết toán kinh phí đã sử dụng với Sở Công Thương; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán sai chế độ.

5. Đơn vị thực hiện đề án phải hoàn trả Sở Công Thương để nộp ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí đã tạm ứng nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo chế độ quy định.

6. Đơn vị thực hiện đề án được tạm ứng theo tỷ lệ quy định tại Điều 17, Điều 18 của Quyết định này.

7. Khi Sở Công Thương thanh toán chi hoạt động khuyến công với Kho bạc nhà nước, đơn vị thực hiện đề án gửi hồ sơ thanh toán đúng theo các quy định của cấp có thẩm quyền đang hiện hành và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

Điều 17. Tạm ứng kinh phí một lần

1. Tạm ứng 30% kinh phí hỗ trợ của đề án khuyến công:

Các đơn vị thực hiện đề án hỗ trợ theo quy định tại khoản 16, khoản 18 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố cung cấp các tài liệu gửi về Sở Công Thương gồm: Quyết định giao nhiệm vụ hoặc Hợp đồng thực hiện đề án; hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện đề án và chủ đầu tư; hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư thuê ngoài); Báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng khuyến công; Báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng khuyến công của đơn vị thực hiện đề án xác định đã thực hiện được trên 50% khối lượng công việc của hạng mục được hỗ trợ (theo Mẫu số 3a, 3b ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Tạm ứng 70% kinh phí hỗ trợ của đề án khuyến công:

a) Các đơn vị thực hiện đề án hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 7, 9, 10, 12, 19, 20, 21 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố cung cấp các tài liệu gửi về Sở Công Thương gồm: Quyết định giao nhiệm vụ hoặc Hợp đồng thực hiện; kế hoạch tổ chức thực hiện đề án của đơn vị thực hiện (đối với các hoạt động đào tạo, hội nghị, hội thảo, tham quan khảo sát; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu...);

b) Các đơn vị thực hiện đề án hỗ trợ theo quy định tại khoản 5, 6, 8, 11, 13, 17 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố cung cấp các tài liệu gửi về Sở Công Thương gồm: Quyết định giao nhiệm vụ hoặc Hợp đồng thực hiện; hợp đồng hỗ trợ giữa đơn vị thực hiện với chủ đầu tư (đối với đề án hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp);

c) Các đơn vị thực hiện đề án hỗ trợ theo quy định tại khoản hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 14, 15, 22 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố cung cấp các tài liệu gửi về Sở Công Thương gồm: Quyết định giao nhiệm vụ hoặc Hợp đồng thực hiện; Báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng khuyến công; Báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng khuyến công của đơn vị thực hiện xác định giá trị khối lượng công việc đã thực hiện tương ứng trên 70% nội dung theo đề án (theo Mẫu số 3a, 3b ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 18. Tạm ứng kinh phí theo tiến độ thực hiện

Số kinh phí của đề án được tạm ứng theo tiến độ thực hiện của đề án và không quá 03 lần. Để tạm ứng kinh phí, đơn vị thực hiện đề án cung cấp các tài liệu gửi về Sở Công Thương gồm: Báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng khuyến công; Báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng khuyến công của đơn vị thực hiện xác định giá trị khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm đề nghị tạm ứng nhưng tối đa không quá 80% giá trị kinh phí thực hiện đề án (theo Mẫu số 3a, 3b ban hành kèm theo Quy định này).

Điều 19. Thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán kinh phí

1. Sau khi đề án đã hoàn thành khối lượng 100% công việc sẽ tiến hành nghiệm thu đề án, lập Biên bản nghiệm thu theo Mẫu số 4 của quy định này.

2. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án cuối cùng trong hợp đồng, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định.

3. Căn cứ tình hình thực tế, Sở Công Thương xác định thời gian, địa điểm để thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí với đơn vị cho phù hợp, nhưng không được muộn hơn ngày 15 tháng 01 của năm sau.

4. Trường hợp đơn vị thực hiện đề án lập hồ sơ quyết toán không đảm bảo thời hạn quyết toán nêu tại khoản 2 Điều này, Sở Công Thương căn cứ vào biên bản nghiệm thu để thanh toán với Kho bạc nhà nước số kinh phí đã tạm ứng cho đơn vị.

5. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng, Sở Công Thương xem xét, quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện.

6. Việc quyết toán kinh phí khuyến công được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC) và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

Điều 20. Quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công

Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các đơn vị thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án: có trách nhiệm triển khai, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện; lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật; Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu, các văn bản trong quá trình lập hồ sơ; tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của chương trình, kế hoạch, đề án.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện hiệu quả đề án khuyến công hàng năm. Chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cơ sở và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công thành phố thực hiện trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành, không để xảy ra sai phạm gây thất thoát, lãng phí ngân sách Nhà nước;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định các đề án khuyến công thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và thanh quyết toán kinh phí các đề án khuyến công theo quy định hiện hành;

d) Kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc, kinh phí thực hiện tại các báo cáo tiến độ của đơn vị thực hiện đề án để tạm ứng và thanh quyết toán kinh phí hợp đồng khuyến công theo quy định; chuyển tạm ứng kinh phí về tài khoản của đơn vị thực hiện đề án để triển khai thực hiện;

đ) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công trên địa bàn thành phố gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Công Thương, hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí sự nghiệp cho hoạt động khuyến công của thành phố theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Công Thương thẩm định các đề án khuyến công; kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng, quyết toán kinh phí khuyến công theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 46/2012/TT-BCT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT) theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có).

4. Kho bạc Nhà nước khu vực III

Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, thanh toán kinh phí cho từng nhiệm vụ của chương trình, đề án theo quy định thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu

a) Căn cứ vào đặc điểm tình hình phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu xây dựng, đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm trên địa bàn;

b) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm, định kỳ gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo theo quy định;

c) Theo dõi, bám sát tiến độ, khối lượng công việc khi các đề án được triển khai trên địa bàn.

d) Phối hợp với Sở Công Thương, các đơn vị thực hiện đề án tiến hành nghiệm thu, kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện các đề án trên địa bàn theo quy định.

6. Các đơn vị thực hiện đề án khuyến công

a) Tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn thành phố nắm bắt, tiếp cận, hiểu được các quy định về khuyến công để khuyến khích các cơ sở có nhu cầu hỗ trợ từ chính sách nhằm nâng cao hiệu quả công tác khuyến công.

b) Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng kế hoạch, thẩm định đề án, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các đề án; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công.

c) Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết và các quy định hiện hành. Thực hiện tạm ứng, quyết toán theo quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 quy định định này; sử dụng kinh phí đảm bảo hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

d) Đối với các đề án điểm, đề án nhóm, sau khi được giao kế hoạch đơn vị thực hiện đề án rà soát và lập kế hoạch theo mẫu số 5 của quy định này trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện.

e) Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng), cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến quá trình thực hiện đề án gửi về Sở Công Thương theo quy định.

f) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công.

g) Báo cáo Sở Công Thương việc tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công; thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định; Tổng hợp báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

h) Chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng đề án, các loại báo cáo và các văn bản liên quan khác của các đề án khuyến công và chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, kế hoạch khuyến công theo quy định pháp luật.

7. Trách nhiệm của các đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ, thụ hưởng kinh phí khuyến công có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, chịu sự kiểm tra, kiểm soát và thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan chức năng có thẩm quyền; cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến quá trình thực hiện đề án; thực hiện chế độ thanh, quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Các đơn vị sử dụng kinh phí khuyến công sai mục đích, vi phạm chế độ tài chính hiện hành thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố./.

Tên Cơ quan (đơn vị):

DANH MỤC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN
CÔNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

(Áp dụng đối với nhiệm vụ, đề án nhóm và đề án theo đối tượng cụ thể)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đề án	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian		Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
					Bắt đầu (tháng)	Kết thúc (tháng)		Kinh phí khuyến công địa phương	Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác	
	Cộng:										

Hải Phòng, ngày... tháng... năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢN ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN/NHIỆM VỤ KHUYẾN CÔNG
ĐỊA PHƯƠNG NĂM...**

1. Tên đề án/nhiệm vụ.....

2. Đơn vị thực hiện đề án/nhiệm vụ:

Tên đơn vị: *(ghi theo tên gọi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Địa chỉ:

Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

Đại diện:; Chức vụ:.....

Tài khoản:; Tại:.....

Mã số sử dụng ngân sách (nếu có):.....

3. Đơn vị phối hợp/thụ hưởng:

Tên đơn vị: *(ghi theo tên gọi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Địa chỉ:

Điện thoại:.....; Fax: E-mail:.....

Đại diện:; Chức vụ:.....

Tài khoản:; Tại:.....

4. Địa điểm thực hiện đề án/nhiệm vụ: *(Ghi rõ địa điểm thực hiện đề án/nhiệm vụ)*

5. Tóm tắt sự cần thiết của đề án/nhiệm vụ:

5.1. Căn cứ:

- Ghi rõ các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ để lập đề án/nhiệm vụ;
- Căn cứ khác.

5.2. Sự cần thiết:

- Khái quát tính đặc thù và tình hình phát triển ngành nghề nêu trong đề án/nhiệm vụ tại địa phương, thành phố và các vùng lân cận;
- Lý do chọn thực hiện đề án.

6. Mục tiêu của đề án/nhiệm vụ: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án/nhiệm vụ cần đạt được.

7. Quy mô đề án/nhiệm vụ: Nêu các thông tin chủ yếu của đề án/nhiệm vụ như: công nghệ, thiết bị; năng lực sản xuất sản phẩm, tổng mức đầu tư,... *(đối với loại Đề án trình diễn kỹ thuật, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến)* hoặc tóm tắt các nội dung chính của đề án *(đối với các loại đề án khác)*; nội dung đề xuất hỗ trợ từ kinh phí khuyến công .

8. Dự kiến thời gian thực hiện: Từ tháng .../20...đến tháng .../20...

9. Nội dung và tiến độ thực hiện:

9.1. Nội dung thực hiện: *Nội dung công việc cần thực hiện giữa bên thực hiện đề án/nhiệm vụ và đơn vị thụ hưởng*

9.2. Tiến độ thực hiện:

Nội dung công việc cần thực hiện, tiến độ thực hiện và tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc

TT	Nội dung công việc	Yêu cầu đạt được	Tiến độ thực hiện (tháng/năm - tháng/năm)	Đơn vị/cá nhân thực hiện

10. Tổ chức thực hiện:

Nêu phương án tổ chức thực hiện: đơn vị được giao tổ chức thực hiện phải đủ năng lực phù hợp, ghi rõ các giải pháp được sử dụng để giải quyết vấn đề đã đặt ra.

11. Dự toán chi tiết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó	
						Ngân sách thành phố	Nguồn khác
	Chi...						
Tổng cộng:							

12. Nguồn kinh phí:

- Đề nghị hỗ trợ từ kinh phí khuyến công thành phố:triệu đồng;
- Vốn tự có của đơn vị thực hiện đề án:triệu đồng;
- Nguồn khác:triệu đồng;
- Cam kết của đơn vị thực hiện chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước về thực hiện những nội dung nêu trong đề án/nhiệm vụ này.

13. Hiệu quả của đề án/nhiệm vụ: *Nêu hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án/nhiệm vụ sau khi kết thúc hỗ trợ.*

Hải Phòng, ngàytháng...năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH
KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM...**
(Áp dụng đối với Đề án điểm)

1. Tên đề án:.....
2. Tên đơn vị thực hiện:.....
3. Biểu đăng ký:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung và mục tiêu	Dự kiến kết quả đạt được	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó									Thời gian thực hiện ¹	
				Kinh phí khuyến công địa phương			Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng			Nguồn khác				
				Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm ...	BĐ	KT
1														
2														
...														
Tổng cộng														

¹ Thời gian thực hiện tính theo tháng gồm: Bắt đầu (BĐ) và Kết thúc (KT).

DỰ TOÁN CHI TIẾT

Đề án:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó		Căn cứ pháp lý
						Ngân sách thành phố	Nguồn khác	
	B	1	2	3	4	5		
	Cộng							

Bằng chữ:

(Tên đơn vị thực hiện đề án) cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi đề nghị hỗ trợ từ kinh phí khuyến công địa phương.

Tổ chức, cá nhân đầu tư vốn có văn bản cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án (sau khi trừ đi số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

(Hợp đồng số: /HĐ-SCT ngày tháng năm 20....)

Tháng ... năm 20...

I. ĐỀ ÁN 1 (tên đề án ghi theo Hợp đồng):

1. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện:

2.1. Báo cáo cụ thể các công việc đã thực hiện theo từng nội dung, tiến độ trong đề án và hợp đồng; các chỉ tiêu đã đạt được; nêu khó khăn tồn tại (nếu có).

2.2. Dự kiến kế hoạch thực hiện tháng tới.

3. Tình hình sử dụng kinh phí:

3.1. Tình hình sử dụng kinh phí:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản chi	Tổng theo dự toán			Đã chi			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách thành phố	Nguồn khác	Tổng	Ngân sách thành phố	Nguồn khác	
	Cộng							

3.2. Số kinh phí khuyến công thành phố của đề án đã nhận theo hợp đồng:

4. Nhận xét, kiến nghị.

II. ĐỀ ÁN 2: (nếu có)

..., ngày.....thángnăm 20...

....., ngày..... tháng...năm 20...

Xác nhận của UBND xã/đặc khu (Phòng Kinh tế)

Đơn vị thực hiện

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3b

Tên đơn vị: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

(Hợp đồng số:/HĐ-SCT ngày ... tháng ... năm 20...)

Đến ngày tháng năm 20...

I. ĐỀ ÁN 1:

1. Thời gian thực hiện đề án theo hợp đồng (theo thực tế triển khai):

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện:

TT	Chỉ tiêu ⁽¹⁾	Theo yêu cầu của hợp đồng	Thực tế đạt được

3. Tình hình sử dụng kinh phí khuyến công:

3.1. Kinh phí khuyến công hỗ trợ:đồng

3.2. Giá trị tính theo khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành (chỉ tính phần kinh phí khuyến công thành phố hỗ trợ):đồng

3.3. Kinh phí khuyến công đã tạm ứng: đồng.

3.4. Kinh phí khuyến công còn phải tạm ứng theo khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành:..... đồng.

4. Nhận xét, kiến nghị (nếu có):.....

II. ĐỀ ÁN 2: (nếu 1 hợp đồng gồm nhiều đề án)

..., ngày..... tháng.....năm 20...

Xác nhận của UBND xã/đặc khu (Phòng Kinh tế)
 (Ký tên, đóng dấu)

..., ngày..... tháng.....năm 20...

Đơn vị thực hiện
 (Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

(Lập cho từng địa điểm triển khai đề án)

ĐỀ ÁN:

Căn cứ Quyết định số/20..../QĐ-UBND ngày tháng năm 20... của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt năm 20.... sử dụng kinh phí ngân sách thành phố năm.....;

Căn cứ Quyết định giao nhiệm vụ/ Hợp đồng số .../HĐ-.... ngày...tháng...năm 20... ký giữa Sở Công Thương với về việc thực hiện đề án khuyến công địa phương năm 20....;

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (địa điểm thực hiện đề án). Chúng tôi gồm có:

I. Sở Công Thương thành phố Hải Phòng

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

II. Đơn vị thực hiện đề án (Trung tâm Khuyến công/tổ chức dịch vụ khuyến công khác/cơ sở công nghiệp nông thôn)

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

III. Ủy ban nhân dân xã/đặc khu nơi thực hiện đề án (đối với các đề án thực hiện trong các khu, cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận/Ban quản lý khu, cụm công nghiệp xác nhận)

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

IV. Đơn vị phối hợp/Đơn vị thụ hưởng (nếu có)

1. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

2. Ông (bà):.....; Chức vụ:.....

Sau khi kiểm tra thực tế tại cơ sở triển khai đề án khuyến công, chúng tôi thống nhất nghiệm thu kết quả và hiệu quả thực hiện đề án như sau:

1. Thời gian thực hiện đề án (theo thực tế triển khai):

- Bắt đầu:
- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện đề án

TT	Chỉ tiêu	Theo yêu cầu của hợp đồng	Thực tế đạt được	Ghi chú

3. Đánh giá nhận xét: (đánh giá tiến độ thực hiện, kết quả, hiệu quả, so với nội dung hợp đồng đã ký; những tồn tại, lý do và kiến nghị).....
.....
.....

Biên bản nghiệm thu được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, gửi Sở Công Thương 02 bản./.

SỞ CÔNG THƯƠNG
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ KÝ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/ĐẶC
KHU NƠI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

(Áp dụng đối với đề án điểm, đề án nhóm)

Tên đề án:.....

Đơn vị thực hiện:.....

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT;

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20.. của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt năm 20.... sử dụng kinh phí ngân sách thành phố năm....;

Căn cứ Hợp đồng số .../HĐ-..... ngày...tháng...năm 20... ký giữa với về việc triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương năm 20.....;

Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở;

Đơn vị thực hiện xây dựng kế hoạch triển khai đề án KCĐP điểm/đề án nhóm thực hiện nămnhư sau:

I. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ

1. Tên nội dung hoạt động 1:

1.1. Đơn vị thụ hưởng 1:

a) Các thông tin cơ bản

- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp số.....; ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....; ngày cấp....., nơi cấp.....

- Địa điểm đăng ký kinh doanh:.....; Địa điểm thực hiện:.....
- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân nămlà.....lao động. Tổng doanh thu của năm là.....đồng; Tổng nguồn vốn là..... đồng theo Báo cáo tài chính năm....²

- Nhận xét: (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) là đúng đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định 45/2012/NĐ-CP và Điều 1 Thông tư 46/2012/TT- BCT.

b) Nội dung, tiến độ và địa điểm triển khai

- Nội dung và tiến độ: (nêu cụ thể các nội dung, chỉ tiêu và tiến độ thực hiện).

- Địa điểm triển khai

c) Tổng kinh phí: triệu đồng. Trong đó, Kinh phí khuyến công địa phương: triệu đồng; Kinh phí cơ sở CNNT:..... triệu đồng,

Cam kết nội dung đề nghị hỗ trợ chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước.

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2: (Chi tiết như mục 1.1)

2. Tên nội dung hoạt động 2:

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện đề án KCĐP điểm/nhóm thực hiện năm.....(tên đề án) của (đơn vị thực hiện), kính báo cáo Sở Công Thương theo dõi./.

**Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA
SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ghi rõ ý kiến thẩm định; ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

(Ký tên, đóng dấu)

² Chỉ ghi đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững không phải ghi phần này.

BẢN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM....
*(Áp dụng đối với nội dung hoạt động khuyến công thuộc các năm tiếp theo năm
đầu kýd kế hoạch của đề án điểm)*

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hải Phòng.

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được
sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy
định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5
năm 2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số
20/2017/TT-BCT;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy
định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến
công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT;*

*Căn cứ Quyết định số/..../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20.. của
Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về quy trình xây
dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, đề án khuyến công
địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ (tên đề án) đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kinh phí
khuyến công địa phương thực hiện năm....;*

*Căn cứ tình hình triển khai (tên đề án) năm..... và kết quả kiểm tra thực tế
tại cơ sở công nghiệp nông thôn;*

*(Tên đơn vị thực hiện)..... đăng ký các nội dung hoạt động khuyến công
thực hiện trong năm...., thuộc đề án điểm.... (Tên đề án điểm), như sau:*

I. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ

1. Tên nội dung hoạt động 1:.....

1.1. Đơn vị thụ hưởng 1

a) Các thông tin cơ bản

- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn.....; Giấy chứng nhận đăng ký kinh
doanh/ Mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....;
ngành nghề kinh doanh (có liên quan):.....; ngày cấp:.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:....., Fax:.....



- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm... là... lao động. Tổng doanh thu của năm là... đồng; Tổng nguồn vốn là... đồng theo Báo cáo tài chính năm...³.

Nhận xét: (Tên cơ sở công nghiệp nông thôn) là đúng đối tượng theo quy định.

b) Riêng đối với nội dung ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến hoặc xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật: Tóm tắt những đặc điểm vượt trội của công nghệ, sản phẩm, máy móc,... cần hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2012/TT-BCT và Thông tư số 20/2017/TT-BCT.

c) Nội dung, tiến độ, địa điểm triển khai

- Nội dung và tiến độ: (Nêu cụ thể nội dung, chỉ tiêu, tiến độ thực hiện).

- Địa điểm triển khai.....

d) Tổng kinh phí:.... triệu đồng. Trong đó, Kinh phí khuyến công địa phương:.... triệu đồng; Kinh phí của cơ sở công nghiệp nông thôn:... triệu đồng,....

Cam kết nội dung đề nghị hỗ trợ chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn ngân sách nào của Nhà nước.

1.2. Đơn vị thụ hưởng 2: (chi tiết như mục 1.1)

2. Tên nội dung hoạt động 2: (tương tự như mục 1)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện đề án KCĐP diêm thực hiện năm... (Tên đề án) của (Tên đơn vị)... Đề nghị Sở Công Thương tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân thành phố xem xét, phê duyệt./.

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

(Ký tên, đóng dấu)

11/11/2017

³ Chỉ ghi đối với cơ sở công nghiệp nông thôn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững không phải ghi phần này.